

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2216/2021/KDTM-ST

Ngày: 29-11-2021

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đăng Vạn
2. Ông Phạm Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại phòng xử B Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 23/2020/TLST-KDTM ngày 21 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 5006/2021/QĐST-KDTM ngày 02 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH P

Địa chỉ: đường L, phường B, thành phố H, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Đức Anh T và ông Võ Quốc A

Địa chỉ: đường T, phường K, Quận B, Thành phố H

Bị đơn: Công ty Cổ phần Công Nghiệp hỗ trợ M

Địa chỉ: đường D, Khu c, phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Châu Bá L

(Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 7 năm 2020 và lời khai tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lâm Đức Anh Tuy và ông Võ Quốc An trình bày: Ngày 01/01/2019, Công ty TNHH P (gọi tắt là Công ty P) và Công ty Cổ phần Công Nghiệp hỗ trợ M (gọi tắt là Công ty M) ký Hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán hạt nhựa.

Theo hợp đồng, Công ty P cung cấp hàng hóa là hạt nhựa PP, TPV, TPE, POM, PA, ABS, HDPE, LDPE, PC cho Công ty M. Cuối mỗi tháng, Công ty P tổng hợp công nợ gửi cho Công ty M kiểm tra, đối chiếu. Công ty M phải thanh toán bằng chuyển khoản 100% giá trị đơn hàng trong vòng 30 ngày sau khi 02 bên đối chiếu, xác nhận công nợ và Công ty P xuất hóa đơn hợp pháp cho Công ty M.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty P đã nhiều lần giao hàng cho Công ty M. Tuy nhiên, Công ty M không thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Công ty P theo các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng nguyên tắc số 01041901 ngày 01/01/2019. Tính đến ngày 31/12/2019, Công ty M còn nợ Công ty P số tiền theo các Hóa đơn ngày 06/9/2019 số tiền 60.961.120; Hóa đơn ngày 06/11/2019 số tiền 173.440.850 đồng và Hóa đơn ngày 07/11/2019 số tiền 43.242.100 đồng, tổng cộng là 277.644.070 đồng, Công ty M đã thanh toán được 27.666.500 đồng (trừ vào tiền mua hàng còn dư của các đợt thanh toán mua hàng trước), còn nợ lại là 249.977.570 đồng theo Thư xác nhận số dư ngày 06/01/2020.

Căn cứ khoản 1 và 2 Điều 50, Điều 306 Luật Thương Mại, Công ty P yêu cầu Công ty M thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu là 249.977.570 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 06/02/2020 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất là 1%/tháng (tức 12%/năm).

Bị đơn là Công ty M dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng cũng như không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc Công ty M thanh toán một lần số tiền mua hàng còn nợ là 249.977.570 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 06/02/2020 đến ngày 29/11/2021 theo mức lãi suất 1%/tháng là 55.161.717 đồng ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là Công ty M vắng mặt.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

+ Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự, người đại diện ủy quyền có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, văn bản ủy quyền đúng quy định pháp luật.

+ Về giải quyết nội dung vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty M thanh toán một lần số tiền mua hàng còn nợ là 249.977.570 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 06/02/2020 đến ngày 29/11/2021 theo mức lãi suất 1%/tháng ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Công ty M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty P yêu cầu Công ty M thanh toán tiền mua hàng còn nợ và Công ty M có trụ sở tại Quận 9 (nay là

thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9 (nay là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Công ty M đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty M.

[3] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào Hợp đồng nguyên tắc ký ngày 01/01/2019 giữa Công ty P và Công ty M; các Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 06/9/2019, ngày 06/11/2019 và ngày 07/11/2019 với tổng số tiền là 277.644.070 đồng, Công ty M đã thanh toán 27.666.500 đồng (trừ vào tiền mua hàng còn dư của các đợt thanh toán mua hàng trước), còn nợ lại là 249.977.570 đồng.

Căn cứ vào Thư xác nhận số dư ngày 06/01/2020 về việc đối chiếu công nợ và có xác nhận của Công ty M có nội dung “số tiền Quý Công ty còn nợ chúng tôi là VNĐ 249.977.570”.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Quan hệ mua bán hàng hóa giữa Công ty P và Công ty M là có thật và hợp pháp.

Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án Công ty M cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của Công ty P.

Xét từ sau ngày 06/01/2020, Công ty M không thanh toán số tiền mua hàng hóa còn nợ cho Công ty P là vi phạm nghĩa vụ thanh toán và vi phạm quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại về thanh toán. Do đó, Công ty P yêu cầu Công ty M thanh toán số tiền mua hàng hóa còn nợ là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Điều 306 Luật Thương mại quy định: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.*”

Án lệ số 09/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016; Thông báo công bố về lãi suất cho vay Việt Nam Đồng áp dụng đối với pháp nhân vay sản xuất kinh doanh thông thường của khoản vay trung - dài hạn đang được Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam áp dụng thì đủ cơ sở để xác định, lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử (ngày 29/11/2021) là: $(8,9\%/năm + 10,5\%/năm + 10,5\%/năm) : 3 \times 150\% = 14,95\%/năm$.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định Công ty P chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1% tháng (tức 12%/năm), đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho phía bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, Công ty M có trách nhiệm thanh toán

cho Công ty P số tiền lãi tính từ ngày 06/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (29/11/2021) là: $249.977.570 \text{ đồng} \times 662 \text{ ngày} \times 12\%/360 \text{ ngày} = 55.161.717 \text{ đồng}$.

Về án phí: Căn cứ Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì Công ty M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 15.256.964 đồng.

Hoàn lại cho Công ty P số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 50, Điều 55 và Điều 306 của Luật Thương mại;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH/Q3 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH P đối với bị đơn Công ty Cổ phần Công Nghiệp hỗ trợ M.

Công ty Cổ phần Công Nghiệp hỗ trợ M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH P số tiền 305.139.287 đồng, trong đó tiền nợ mua hàng là 249.977.570 đồng; tiền lãi là 55.161.717 đồng.

Phương thức và thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại.

3. Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 15.256.964 đồng (mười lăm triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn chín trăm sáu mươi bốn đồng), Công ty Cổ phần Công Nghiệp hỗ trợ M chịu, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Hoàn lại cho Công ty TNHH P số tiền 6.718.147 đồng (Sáu triệu bảy trăm mười tám ngàn một trăm bốn mươi bảy đồng) là tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH P đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 9 (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Công ty TNHH P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Công ty Cổ phần Công Nghiệp hỗ trợ M vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông báo chấp hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Tâm

Trần Đăng Vạn

Lương Minh Hiếu

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.9;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.9;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Minh Hiếu

